Số: 4401/QĐ-UBND
Thời gian ký: 2026-09-22T16:59:35+07:00

Phụ lục
BẢNG GIÁ TÍNH LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ ĐỐI VỚI Ô TÔ, XE MÁY TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG (BỔ SUNG)

(Kèm theo Quyết định số 4401/QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

BẢNG 1: Ô TÔ CHỞ NGƯỜI TỪ 9 NGƯỜI TRỞ XUỐNG

STT	Nhãn hiệu	Kiểu loại xe [Tên thương mại (Mã kiểu loại)/ Tên thương mại/ số loại]	Thể tích làm việc	Số người cho phép chở (kể cả lái xe)	Giá tính LPTB (VNĐ)
Phần 1a. Ô tô chở người từ 9 người trở xuống nhập khẩu					
1	HONDA	CIVIC RS (FE168TG)	1,5	5	889.000.000
2	MITSUBISHI	XFORCE P1 LUX (GR1WXTGGLVVT)	1,5	5	665.000.000
3	AUDI	AUDI A5 SEDAN TFSI S LINE (FU2AZG)	1984	5	2.049.000.000
4	FORD	EVEREST (TEK2EB2F8B)	2	7	1.448.000.000
5	AUDI	AUDI A5 SEDAN TFSI S LINE (FU2AZG)	1,984	5	2.049.000.000
6	GEELY	COOLRAY PREMIUM SX11-A5-LV	1,5	5	549.000.000
7	MG	MG7 1.5T LUXURY	1496	5	738.000.000
8	OMODA	OMODA C5 SHS-H FLAGSHIP (T341DHL4BR54E21EA)	1,499	5	669.000.000
9	BMW	430I (31FP)	2	4	3.399.000.000
10	MAZDA	MAZDA MX-5 (NH7WLAB)	2	2	1.339.000.000
11	OMODA	OMODA C5 SPORT (SQR7150T19C111T)	1499	5	489.100.000
12	GEELY	COOLRAY EXECUTIVE (SX11-A5-LV)	1,499	5	499.000.000
13	FORD	EVEREST (TEKE9057539)	1,996	7	1.217.000.000
14	TOYOTA	LAND CRUISER FJ CG (TRJ240L-GGTPKU)	2,694	5	1.210.000.000
15	HYUNDAI	CRETA (I7W5D661V D D4IZ)	1,497	5	660.000.000
Ô tô điện					
1	FORD	MUSTANG MACH-E (CGW92145D03)	78,4	5	2.499.000.000
2	BYD	BYD SEALION 8 STE2	380	7	1.569.000.000
3	GEELY	EX2 PRO (E22H)	85	5	459.000.000
Phần 1b. Ô tô chở người từ 9 người trở xuống sản xuất, lắp ráp trong nước					
1	KIA	K5 DL3 2.0G AT FS5	2	5	849.000.000
2	HONDA	CR-V L L-RS384TENX	1,498	7	1.099.000.000
3	PEUGEOT	2008 PCJHN6	1,2	5	779.000.000
4	KIA	CARNIVAL KA4 PE 1.6 A HEV-01/7S	1,6	7	1.599.000.000
5	KIA	SPORTAGE NQ5 PE 2.0G AT	1,999	5	819.000.000
6	KIA	SPORTAGE NQ5 PE 1.6 A HEV	1,598	5	1.020.000.000
7	KIA	SELTOS SP2I PE 15G CVT FH5	1,497	5	602.000.000
8	MERCEDES-BE	E 300 AMG (W214) 214046	1,999	5	3.259.000.000
9	KIA	CARNIVAL KA4 PE 2.2 AT FH7/7R	2,151	7	1.549.000.000
10	HYUNDAI	ELANTRA CN7 1.6 MPI GL	1,591	5	639.000.000
11	KIA	SELTOS SP2I PE 15G CVT FH5-03	1,5	5	689.000.000
Ô tô điện					
1	VINFAST	LIMO GREEN N7TP02	150	7	749.000.000
2	VINFAST	VF 7 PLUS L5BE01	130	5	979.000.000
3	VINFAST	MINIO GREEN P4SN01	30	4	188.000.000
4	VINFAST	HERIO GREEN S5EJ05	100	5	499.000.000
5	VINFAST	VF 3 ECO E4KL01	30	4	285.000.000

BẢNG 2: Ô TÔ PICK UP, Ô TÔ TẢI VAN

STT	Nhãn hiệu	Kiểu loại xe [Tên thương mại (Mã kiểu loại)/ Tên thương mại/Số loại]	Thể tích làm việc	Số người cho phép chở (kể cả lái xe)	Giá tính LPTB (VNĐ)	Ghi chú
Phần 2a. Ô tô pick up, tải Van nhập khẩu						
1	FORD	RANGER RAPTOR (TRAD4E900B2)	2,956	5	1.456.000.000	Ô tô tải pick up cabin kép
2	TOYOTA	HILUX 4X4 AT CF (GUN226L-DTTHXU)	2,755	5	911.000.000	Ô tô tải pick up cabin kép
3	FORD	RANGER (TRA490F5455)	3	5	1.101.000.000	Ô tô tải pick up cabin kép
Phần 2b. Ô tô pick up, tải Van sản xuất, lắp ráp trong nước						
1	FORD	RANGER TRABCG2P0EUCXKBPL3	2	5	715.000.000	Ô tô tải pick up cabin kép
2	FORD	RANGER TRABCG2P0EUCXEBPL3	1,996	2	784.000.000	Ô tô tải pick up cabin kép
3	SRM	E80	75	3	579.000.000	Ô tô tải van (điện)
4	KIM LONG	GK48EV E426A32R81	60	2	480.000.000	Ô tô tải van (điện)
5	THACO	TOWNER T024A31R122	1,6	2	329.000.000	Ô tô tải van
6	FORD	TRANSIT JX6606TB-M6CK327VAN6KCK-0126	2,3	6	957.000.000	Ô tô tải van

BẢNG 6: XE MÁY

Phần 6a. Xe máy hai bánh nhập khẩu

STT	Nhãn hiệu	Kiểu loại xe [Tên thương mại/ Số loại)	Thể tích làm việc/ Công suất (cm3/kW)	Giá tính LPTB (VNĐ)	Loại phương tiện
1	ROYAL ENFIELD	GUERRILLA 450	451,65	174.000.000	Xe mô tô hai bánh
2	HONDA	WAVE 110 SPECIAL EDITION	109,5	78.900.000	Xe mô tô hai bánh
3	KAWASAKI	KLE500 ABS	451	170.000.000	Xe mô tô hai bánh
4	ITALJET	DRAGSTER 300 MALOSSI EDITION	278	215.000.000	Xe mô tô hai bánh
5	KAWASAKI	W230 MEGURO ABS	233	136.900.000	Xe mô tô hai bánh
6	HONDA	CROSS CUB 110 KUMAMON (8BJ-JA60)	109	96.000.000	Xe mô tô hai bánh
7	HONDA	SCOOPY CINNAMOROLL LIMITED EDITION	109,51	117.764.000	Xe mô tô hai bánh
8	HONDA	SUPER CUB ABS	123,94	148.000.000	Xe mô tô hai bánh
9	HONDA	CBR150R	149,2	72.000.000	Xe mô tô hai bánh
10	HONDA	SUPER CUB 50 HELLO KITTY	49	110.000.000	Xe mô tô hai bánh
1	HONDA	HONDA UC3	6	79.920.000	Xe mô tô hai bánh (điện)
Phần 6b. Xe máy hai bánh sản xuất, lắp ráp trong nước					
1	ESPERO	50VS DIAMOND PRO II	49,6	19.000.000	Xe gắn máy hai bánh
2	J-PAN	RC SIRUS	49,6	12.500.000	Xe gắn máy hai bánh
3	MOTOR THAI	SPORT	49,5	13.600.000	Xe gắn máy hai bánh
4	VIET THAI	CLASSIC VT	49,6	14.150.000	Xe gắn máy hai bánh
5	ALLY	VISTA	49,4	26.800.000	Xe gắn máy hai bánh
6	HALIM	FI50	49,5	20.400.000	Xe gắn máy hai bánh
7	VICTORIA	AT88-PRO FI	49,4	22.700.000	Xe gắn máy hai bánh
8	HD MOTOR	VERONA	49,4	18.500.000	Xe gắn máy hai bánh
9	DAELIM NOVA	FI	49,5	16.090.000	Xe gắn máy hai bánh
10	DAELIM NOVA	C87	49,5	17.770.000	Xe gắn máy hai bánh
11	HALIM	HW3	49,5	16.500.000	Xe gắn máy hai bánh
12	INDOMOTOR	88NEW	49,6	18.334.000	Xe gắn máy hai bánh
13	MOTORTHAI	FI	49,6	11.500.000	Xe gắn máy hai bánh
14	ALLY	RS 1	49,5	14.000.000	Xe gắn máy hai bánh
15	INDOMOTOR	50CC	49,6	13.400.000	Xe gắn máy hai bánh
16	ESPERO	50VS CLASSIC-II	49,6	17.400.000	Xe gắn máy hai bánh
17	ESPERO	50C3HI	49,5	14.580.000	Xe gắn máy hai bánh
18	DAELIMIKD	SI9	49,5	13.100.000	Xe gắn máy hai bánh
19	HONLEI	VISIONA	49,4	18.700.000	Xe gắn máy hai bánh
20	VIET THAI	CHAILXS	49,6	14.500.000	Xe gắn máy hai bánh
21	KASAKI	VILLA FI	49,4	21.800.000	Xe gắn máy hai bánh
22	ATEXINDO	RS	49,5	12.000.000	Xe gắn máy hai bánh
23	DAELIM KAREA	WACE	49,5	15.500.000	Xe gắn máy hai bánh
24	VIET THAI	EX VT50	49,5	14.640.000	Xe gắn máy hai bánh
25	MOTORTHAI	SRI	49,5	13.000.000	Xe gắn máy hai bánh
26	VICTORIA	89 NEW	49,5	10.600.000	Xe gắn máy hai bánh
27	HALIM	CUS	49,5	11.500.000	Xe gắn máy hai bánh
28	ALLY	ZR	49,5	13.426.000	Xe gắn máy hai bánh
29	ESPERO	CLASSIC VVIP I	49,5	9.600.000	Xe gắn máy hai bánh
30	MOTORTHAI	WAQK	49,5	16.500.000	Xe gắn máy hai bánh

31	DAELIM NOVA	VIORA	49,4	27.756.000	Xe gắn máy hai bánh
32	DAELIMIKD	C6 PRO	49,5	18.495.000	Xe gắn máy hai bánh
33	DAELIM KAREA	RS	49,5	16.300.000	Xe gắn máy hai bánh
34	HONLEI	CUPTHAI 88	49,5	16.500.000	Xe gắn máy hai bánh
1	JVCECO	V6	1,699	19.200.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
2	YADEA	YD1200DT-23G	2,45	27.690.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
3	JVCECO	ZH	2,446	19.000.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
4	YADEA	YD350DT-9G	1,45	18.500.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
5	JPMOTOR	BELLA E	1,7	18.000.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
6	DK	NOVA	2,1	26.000.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
7	YALIM	ONEVENUXSE	1,5	10.800.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
8	VINFAST	VINFAST FLAZZ	1,5	17.304.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
9	YADEA	YD350DT-6G	1	14.300.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
10	ESPERO	DIAMOND PRO	1,6	19.000.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
11	TAKASHI	VIBERA	2,5	22.649.995	Xe gắn máy hai bánh (điện)
12	TAKASHI	PRO	2,5	23.480.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
13	VINFAST	VINFAST AMIO S	0,8	13.900.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
14	YADEA	YD400DT-25G	1,15	15.990.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
15	YADEA	YD400DT-27G	1,22	15.990.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
16	DIBAO	GOGO CROWN	1,6	19.390.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
17	VICTORIA	VIRAL-PRO	1,55	19.990.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
18	DIBAO	PANSY S4	1,35	18.500.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
19	ESPERO	WEEZEE M3	0,9	14.870.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
20	MOVE	ATHENA	1	14.500.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
21	SMB	G-STAR	1,65	18.250.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
22	BEFORE ALL	LATINA SI	1,65	18.000.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
23	JVCECO	VERAS	1,65	19.500.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
24	TAILG	NOVA	1,55	17.500.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
25	VICTORIA	V69	1,55	18.500.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
26	YADEA	YD1000DT-15G	1,35	21.990.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
27	OSAKAR	ROVA	1,58	14.500.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
28	VICTORIA	STAR 1	3,1	23.990.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
29	YADEA	YD800DT-16G	1,7	21.690.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
30	KAZUKI	CANELY GT	1,6	12.500.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
31	VVINGO	TYPE.3 PRO	1,5	22.700.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
32	VICTORIA	VIRAL-PRO 2	1,55	17.465.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
33	DAELIM NOVA	REVO 946	1,8	20.500.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
34	YADEA	YD400DT-28G	1,25	19.000.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
35	TAILG	R60	1,65	16.340.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
36	VICTORIA	VIRAL S5	1,55	16.200.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
37	JVCECO	MELI PLUS	1	14.000.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
38	OSAKAR	NISPA VERA S	1,5	15.650.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
39	POWELLDD	WESPAN	1,5	15.590.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
40	HUGO	ELEGANT X	1,8	12.000.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
41	NIJIA	VERDA S	1,5	12.960.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
42	HAKIMI	VK-1	1	10.600.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
43	TAILG	T61	3,15	28.490.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
44	TAKASHI	NOZA X	1,6	18.645.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
45	NIJIA	WENDY	1,35	12.475.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
46	JVCECO	G9 SURI	1	13.500.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
47	YADEA	YD1500DT-9G	2,75	28.100.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)

48	YADEA	YD350DT-8G	1	15.490.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
49	TAILG	R51 2026	1,55	13.999.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
50	JVCECO	V9	1,699	18.500.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
51	LUYUAN	LY-1S	1,45	14.500.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
52	HTC	FASHION XR	1,4	8.769.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
53	ESPERO	VELIA P	2,8	26.000.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
54	TAKASHI	MONO PRO	1,3	13.800.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
55	DK BIKE	DK ROMA SV	1,54	10.000.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
56	JPMOTOR	LV PLUS	1,035	13.970.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
57	ZIRA	F1	1,65	17.500.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
58	YADEA	YD350DT-10G	1	16.200.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
59	OSAKAR	NISPA VERA SS	1,52	15.550.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
60	POWELLDD	WESPAN PRO MAX	1,8	19.990.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
1	YAMAHA	EXCITER-D191	155,1	60.900.000	Xe mô tô hai bánh
2	YAMAHA	EXCITER-D193	155,1	49.900.000	Xe mô tô hai bánh
3	YAMAHA	EXCITER-D192	155,1	57.800.000	Xe mô tô hai bánh
4	ESPERO	50C5	49,5	9.000.000	Xe mô tô hai bánh
1	YADEA	YD1500DT-12G	2,61	38.990.000	Xe mô tô hai bánh (điện)
2	DAT BIKE	QUANTUM	6	31.900.000	Xe mô tô hai bánh (điện)
3	TAILG	T80 PRO	6	38.900.000	Xe mô tô hai bánh (điện)
4	DAT BIKE	ERA E1	4,9	33.900.000	Xe mô tô hai bánh (điện)
5	DAT BIKE	ERA E2	4,9	29.900.000	Xe mô tô hai bánh (điện)
6	YADEA	YD1500DT-11G	2,63	42.990.000	Xe mô tô hai bánh (điện)
7	TAILG	T61L	6	36.250.000	Xe mô tô hai bánh (điện)
8	VINFAST	VINFAST KINET	5,2	39.200.000	Xe mô tô hai bánh (điện)
9	ESPERO	VELIA P	2,8	34.500.000	Xe mô tô hai bánh (điện)